

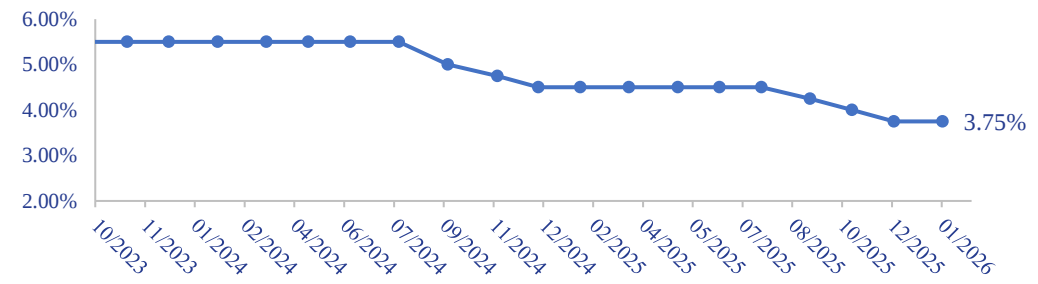
BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 01.2026

Hà Nội, 10 tháng 02 năm 2026

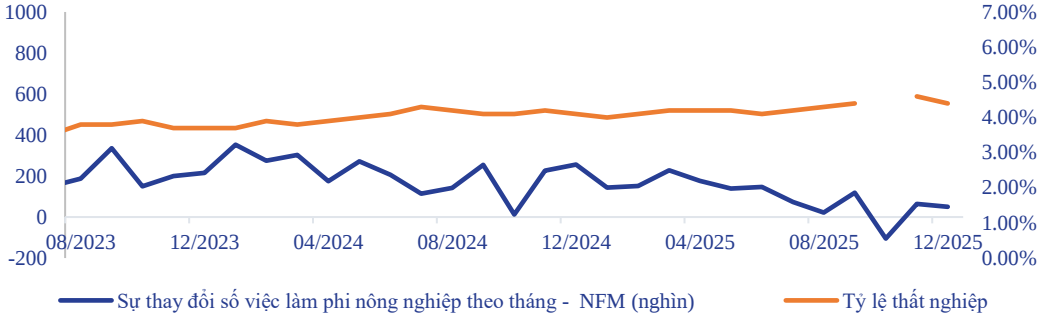
	Chủ đề	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Quốc tế	FED không hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 01/2026 Kevin Warsh được đề cử làm tân Chủ tịch FED trong năm 2026	Ngày 28/01/2026, FOMC quyết định giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang ở 3.5%–3.75%, chính thức tạm dừng chu kỳ nói lỏng sau ba đợt cắt giảm liên tiếp trong năm 2025. Quyết định mang hàm ý tạm dừng để đánh giá độ trễ chính sách, đồng thời phát đi tín hiệu rõ ràng về tính độc lập của FED trong bối cảnh áp lực chính trị gia tăng. Đồng thời, Cuộc đua giành ghế Chủ tịch FED thay thế Jerome Powell đã khép lại với một kết cục mang tính bất ngờ, khi Kevin Warsh được lựa chọn thay vì ứng viên từng được thị trường đánh giá cao là Kevin Hassett.	Tiêu cực
	Sản xuất tích cực trong tháng 01	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 1/2026 +21.5 % (YoY). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính với mức tăng 23,6%. Sự bứt phá này một phần do nền thấp khi năm ngoài tháng 01 trùng với dịp nghỉ Tết âm lịch. Đồng thời, các doanh nghiệp đã chủ động tăng công suất để đáp ứng các đơn hàng mới ngay từ đầu năm.	Tích cực
Vĩ mô Việt Nam	Tiêu dùng nội địa phục hồi ổn định với du lịch là “điểm sáng”	Tiêu dùng phục hồi ổn định, tuy nhiên chưa bứt phá khi tăng trưởng bán lẻ đạt 9.2%, tương đối khiêm tốn so với các giai đoạn cao điểm mùa lễ hội. Đáng chú ý, ngành du lịch trở thành "điểm sáng" bù đắp cho nhu cầu nội địa khi Việt Nam đón gần 2,\$ triệu lượt khách quốc tế trong tháng 1/2026 (+21% yoy), vận tải hành khách và hàng hoá cũng ghi nhận mức tăng tích cực trong tháng giáp Tết (lần lượt +16,8% yoy, +17.3% yoy).	Trung lập
	Lạm phát giảm mạnh tuy nhiên kém bền vững	Lạm phát thấp mang tính kỹ thuật: CPI tháng 1 ở mức 2,53% yoy, thấp hơn cùng kỳ chủ yếu nhờ bình ổn giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý (đặc biệt là không tăng giá thuốc và dịch vụ y tế) cùng sự hạ nhiệt của xăng dầu.	Tích cực
	Lãi suất liên ngân hàng biến động lịch sử	Giai đoạn cuối tháng 01 – đầu tháng 02/2026 ghi nhận căng thẳng thanh khoản hiếm gặp trên thị trường liên ngân hàng, khi lãi suất VND qua đêm có thời điểm tăng vọt lên trên 20%, vượt xa hành lang điều hành và phản ánh mất cân đối cung – cầu VND ngắn hạn.	Tiêu cực

FED không hạ lãi suất trong cuộc họp tháng 01/2026

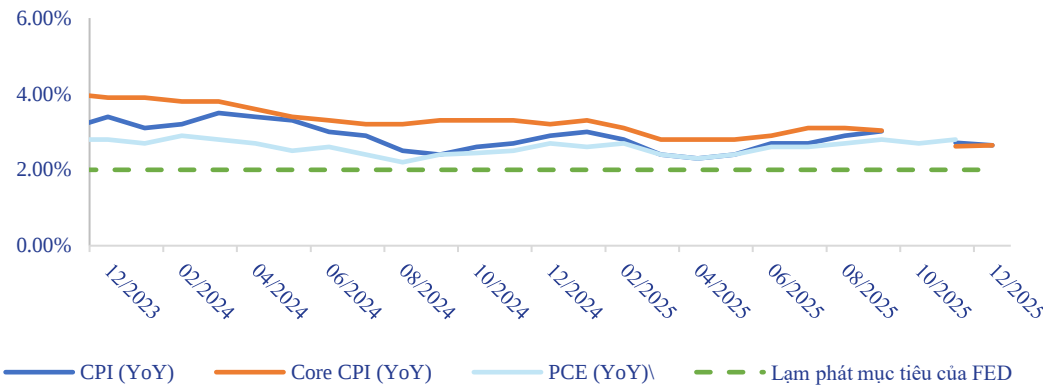
Lãi suất Quỹ Liên bang (Fed Funds Rate)
giữ nguyên ở mức 3.5% - 3.75% trong tháng 01/2026



Thị trường Lao động ổn định nhưng thiếu động lực



Lạm phát CPI tháng 12/2025 đi ngang ở mức 2.7%. Mục tiêu 2% vẫn còn là thách thức dai dẳng



Thị trường đánh giá FED sẽ giữ nguyên lãi suất ít nhất đến 06/2026

	CME FEDWATCH TOOL - AGGREGATED MEETING PROBABILITIES			
MEETING DATE	275-300	300-325	325-350	350-375
18/03/2026	0,00%	0,00%	17,88%	82,12%
29/04/2026	0,00%	0,00%	36,50%	63,50%
17/06/2026	0,00%	0,00%	92,16%	7,84%
29/07/2026	0,00%	28,50%	71,50%	0,00%

Nguồn: Trading Economics, Investing, CME group, NSI tổng hợp

- Ngày 28/01/2026, FOMC quyết định giữ nguyên lãi suất quỹ liên bang ở 3.5%–3.75%, chính thức tạm dừng chu kỳ nói lỏng sau ba đợt cắt giảm liên tiếp trong năm 2025. Quyết định mang hàm ý tạm dừng để đánh giá độ trễ chính sách, đồng thời phát đi tín hiệu rõ ràng về tính độc lập của FED trong bối cảnh áp lực chính trị gia tăng.
- Lạm phát dai dẳng: CPI tháng 12/2025 (+2.7% YoY), đi ngang so với tháng trước và tiếp tục cao hơn mục tiêu 2%; trong đó, chi phí nhà ở và thực phẩm tăng cao đã bù trừ hoàn toàn cho xu hướng giảm của giá năng lượng.
- Thị trường lao động duy trì trạng thái ổn định nhưng thiếu động lực: tỷ lệ thất nghiệp ở mức 4.4%, chỉ nhỉnh hơn nhẹ so với ước tính thất nghiệp tự nhiên (4.3% theo CBO). Đáng chú ý, đà tăng của thất nghiệp chủ yếu đến từ sự suy yếu trong hoạt động tuyển dụng, thay vì làn sóng sa thải, phản ánh tâm lý phòng thủ của doanh nghiệp trước môi trường chính sách còn bất định và chi phí vốn duy trì ở mức hạn chế.
- NSI đánh giá, trong kịch bản cơ sở, FED nhiều khả năng sẽ duy trì mặt bằng lãi suất hiện tại trong suốt nửa đầu năm 2026, và chỉ cân nhắc điều chỉnh chính sách sau khi ứng viên mới cho vị trí Chủ tịch chính thức nhậm chức.

Ứng cử viên mới cho vị trí chủ tịch FED

Dxy phục hồi sau khi thủng đáy



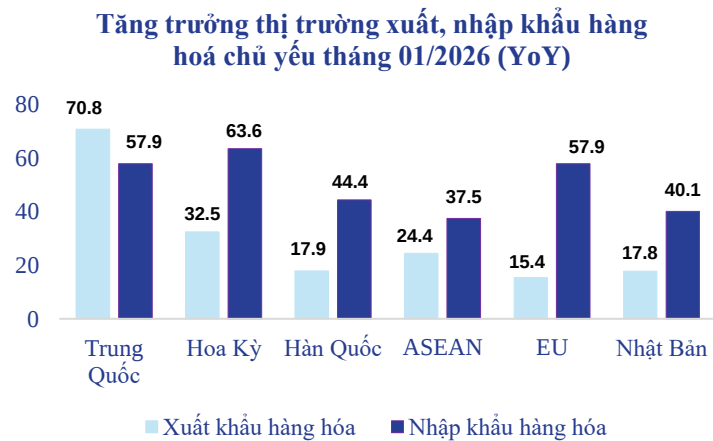
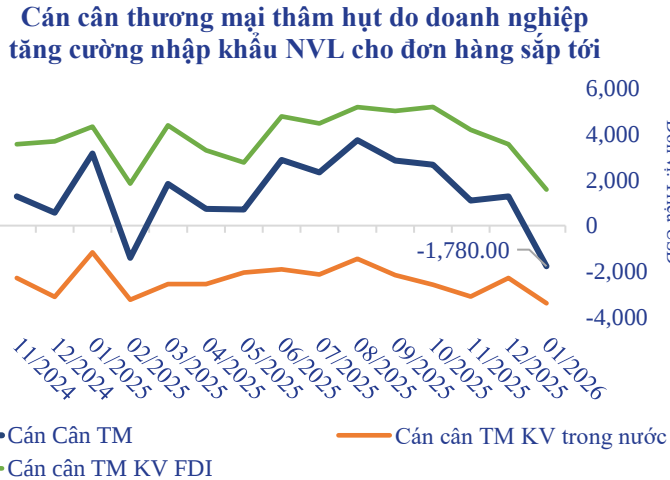
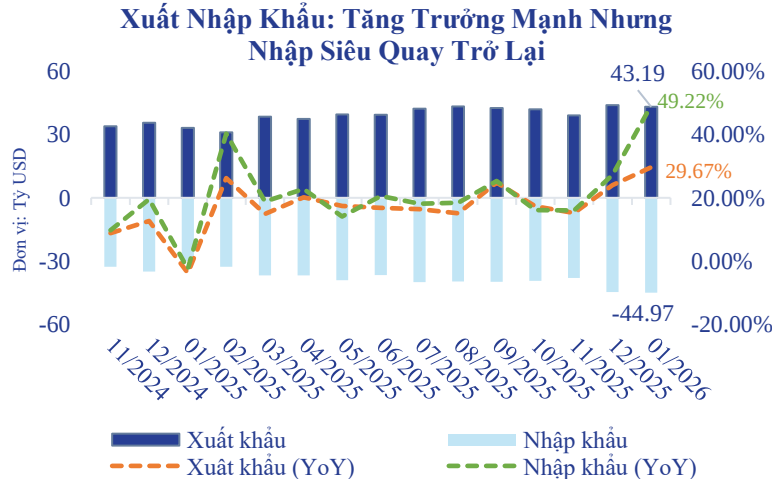
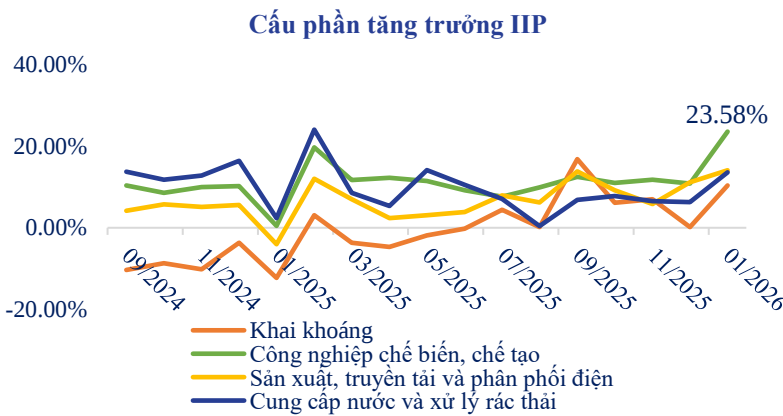
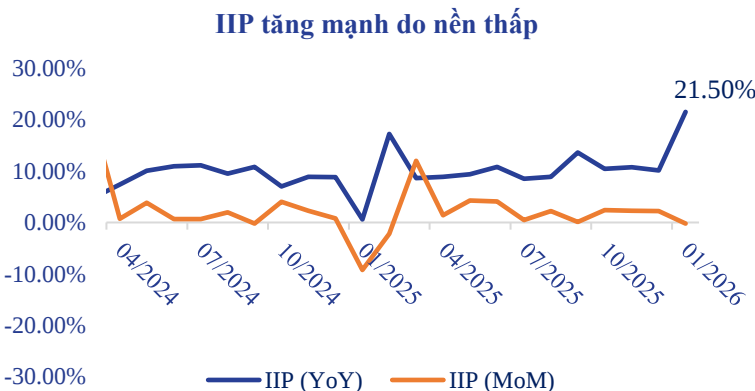
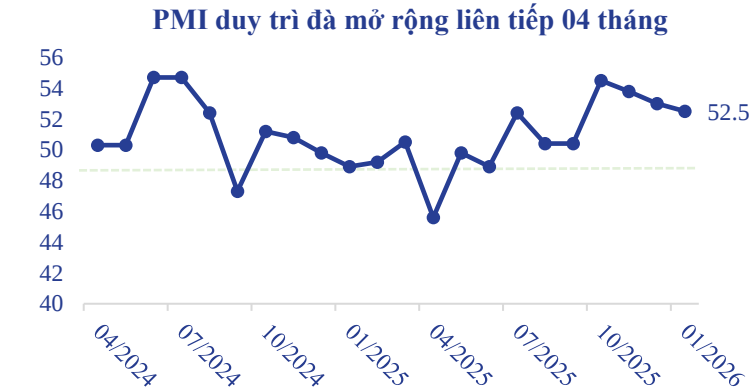
Vàng điều chỉnh mạnh từ cuối tháng 01



Nguồn: TradingView

- Cuộc đua giành ghế Chủ tịch FED thay thế Jerome Powell đã khép lại với một kết cục mang tính bất ngờ, **khi Kevin Warsh được lựa chọn** thay vì ứng viên từng được thị trường đánh giá cao là Kevin Hassett.
- Việc đề cử Kevin Warsh thay vì Kevin Hassett cho vị trí Chủ tịch FED cho thấy Nhà Trắng đã lựa chọn ưu tiên ổn định tài chính hơn là nói lòng cực đoan, qua đó làm giảm rủi ro xói mòn niềm tin vào đồng USD và thị trường trái phiếu.
- Quyết định này **đã điều chỉnh lại kỳ vọng thị trường**, khi rủi ro Fed suy giảm tính độc lập và chấp nhận “nói lòng mạnh tay” bị loại khỏi kịch bản cơ sở. Phản ứng tăng giá của USD và cú điều chỉnh mạnh của kim loại quý phản ánh sự đảo chiều của dòng tiền đầu cơ, đặc biệt là việc đóng các vị thế đặt cược vào kịch bản “phá giá đồng USD”.
- Hồ sơ của Warsh – dù mang thiên hướng “điều hòa” trong quá khứ** – được đánh giá là đủ linh hoạt để ủng hộ hạ lãi suất có kiểm soát, song vẫn duy trì kỷ luật tiền tệ, qua đó góp phần ổn định kỳ vọng lạm phát trung hạn.
- Trong trường hợp được xác nhận, Warsh nhiều khả năng theo đuổi cách tiếp cận kết hợp**, trong đó công cụ bảng cân đối kế toán có thể được sử dụng linh hoạt hơn nhằm hỗ trợ điều hành lãi suất mà không gây xáo trộn thị trường tài sản.
- Bên cạnh yếu tố nhân sự Chủ tịch, **luân phiên quyền bỏ phiếu tại FOMC năm 2026** được đánh giá tạo thiên lệch thận trọng hơn trong thảo luận chính sách, khi những thành viên ôn hòa từ Boston, Chicago, St. Louis và Kansas City sẽ rời đi, nhường chỗ cho các đại diện từ Cleveland, Philadelphia, Dallas và Minneapolis.

Sản xuất tích cực trong tháng 01 - Một phần thúc đẩy bởi yếu tố mùa vụ

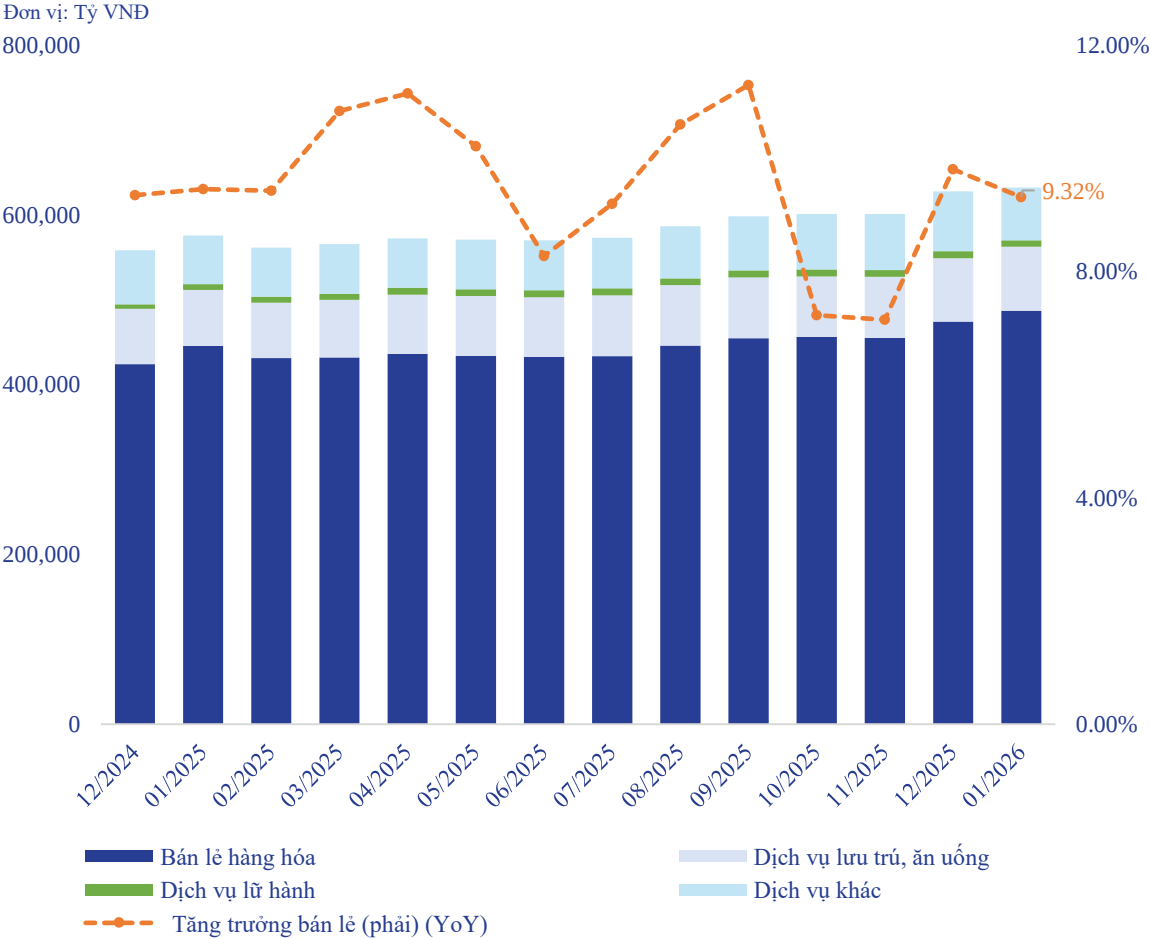


Nguồn: NSI tổng hợp, GSO

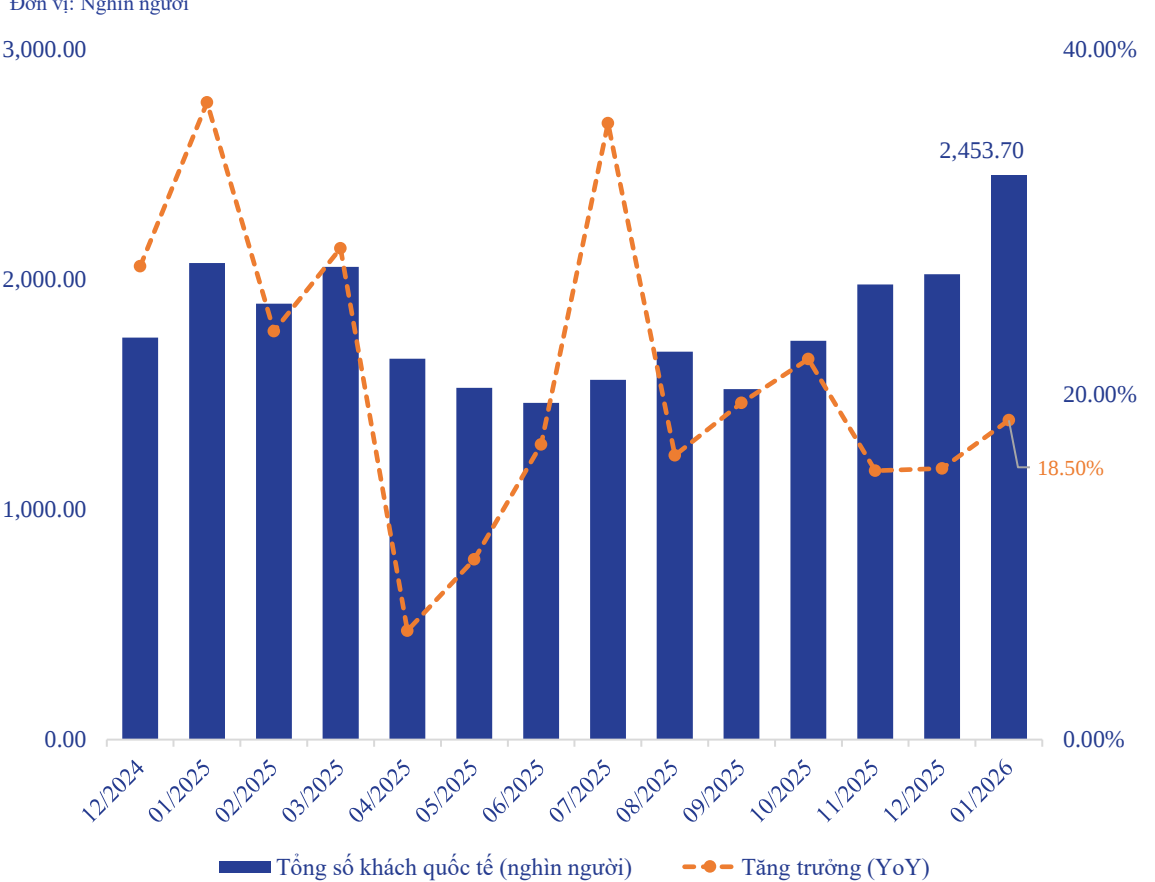
- Nền kinh tế Việt Nam bước vào năm 2026 với những tín hiệu khởi sắc mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất, dù yếu tố mùa vụ đóng vai trò then chốt trong các con số thống kê đột biến.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 1/2026 +21.5 % (YoY).** Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính với mức tăng 23,6%. Sự bứt phá này một phần do nền thấp khi năm ngoái tháng 01 trùng với dịp nghỉ Tết âm lịch. Đồng thời, các doanh nghiệp đã chủ động tăng công suất để đáp ứng các đơn hàng mới ngay từ đầu năm.
- Dữ liệu thương mại cho thấy trong khi khối ngoại (FDI) vẫn duy trì vai trò trụ cột** với mức xuất siêu 1,62 tỷ USD, thì khu vực kinh tế trong nước đang ghi nhận mức nhập siêu kỷ lục 3,4 tỷ USD. Sự phục hồi trong nhu cầu nhập khẩu của doanh nghiệp nội địa, một phần do chuẩn bị nguyên liệu sau Tết, đang trở thành yếu tố chính làm thay đổi cán cân thanh toán, tạo ra những thách thức mới cho việc cân đối dòng tiền ngoại tệ trong bối cảnh bộ đệm ngoại hối hiện tại chưa đầy 02 tháng nhập khẩu.

Tiêu dùng nội địa phục hồi ổn định với du lịch là “điểm sáng”

Bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng ổn định trong 01/2026



Lượng khách quốc tế tăng mạnh

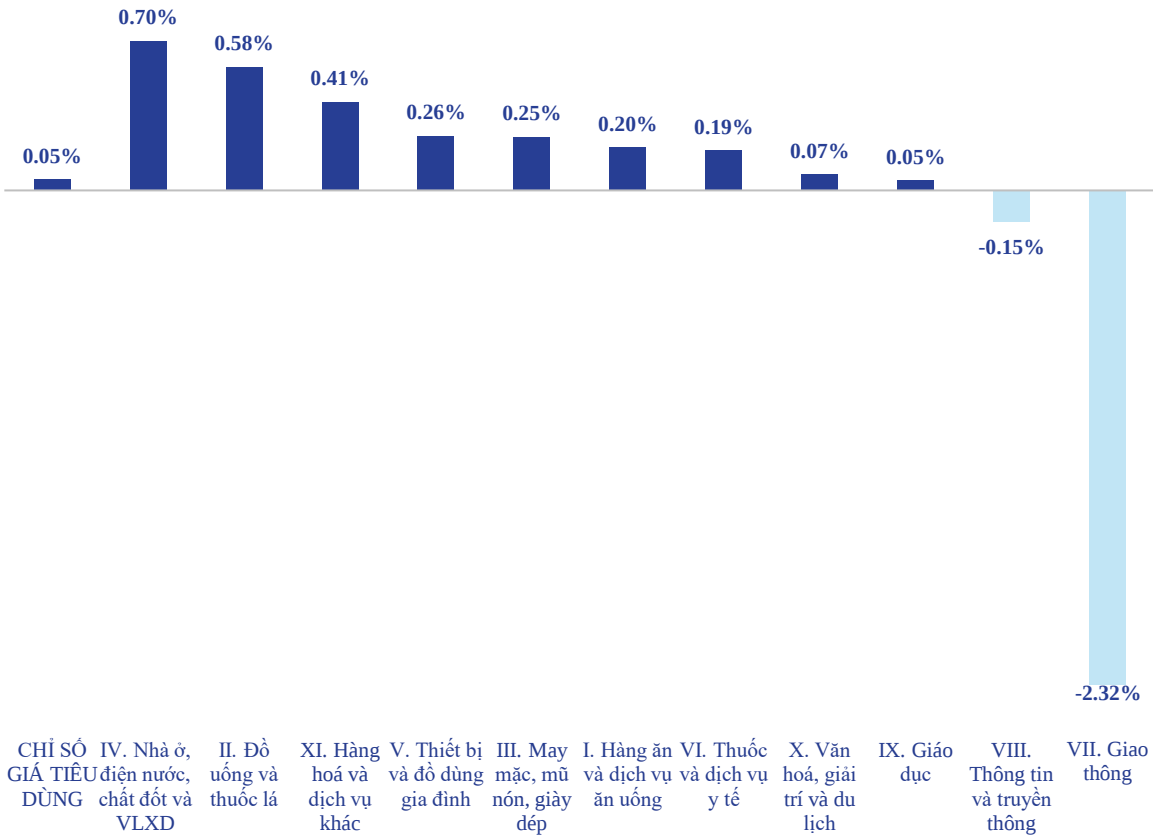
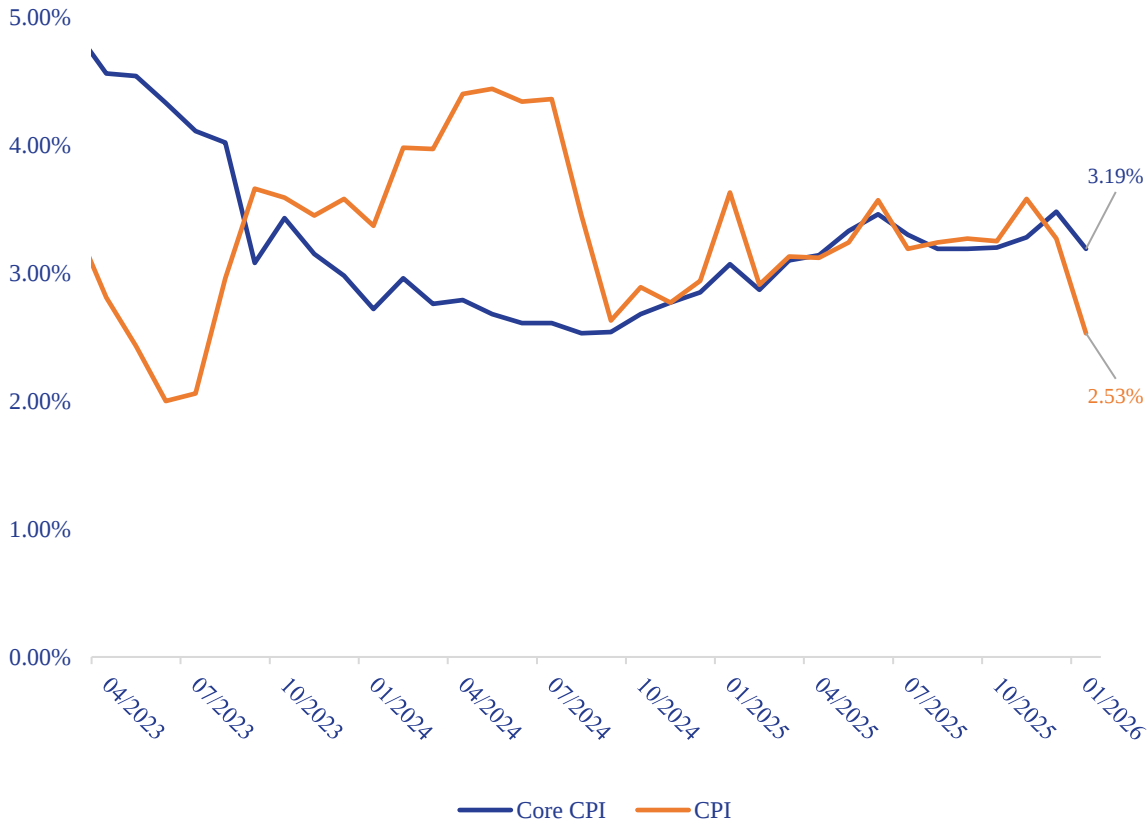


Nguồn: NSI tổng hợp, GSO

- Tiêu dùng phục hồi ổn định, tuy nhiên chưa bứt phá khi tăng trưởng bán lẻ đạt 9.2%, tương đối khiêm tốn so với các giai đoạn cao điểm mùa lễ hội. Đặc biệt, một phần tiêu dùng đang bị ảnh hưởng bởi xu hướng tái tích lũy của hộ gia đình và chuyển hướng dòng tiền vào các lớp tài sản trú ẩn (vàng) để bảo toàn giá trị.
- Đáng chú ý, ngành du lịch trở thành "điểm sáng" bù đắp cho nhu cầu nội địa khi Việt Nam đón gần 2.5 triệu lượt khách quốc tế trong tháng 1/2026 (+21% yoy), vận tải hành khách và hàng hoá cũng ghi nhận mức tăng tích cực trong tháng giáp Tết (lần lượt +16,8% yoy, +17.3% yoy).

Lạm phát giảm mạnh tuy nhiên kém bền vững

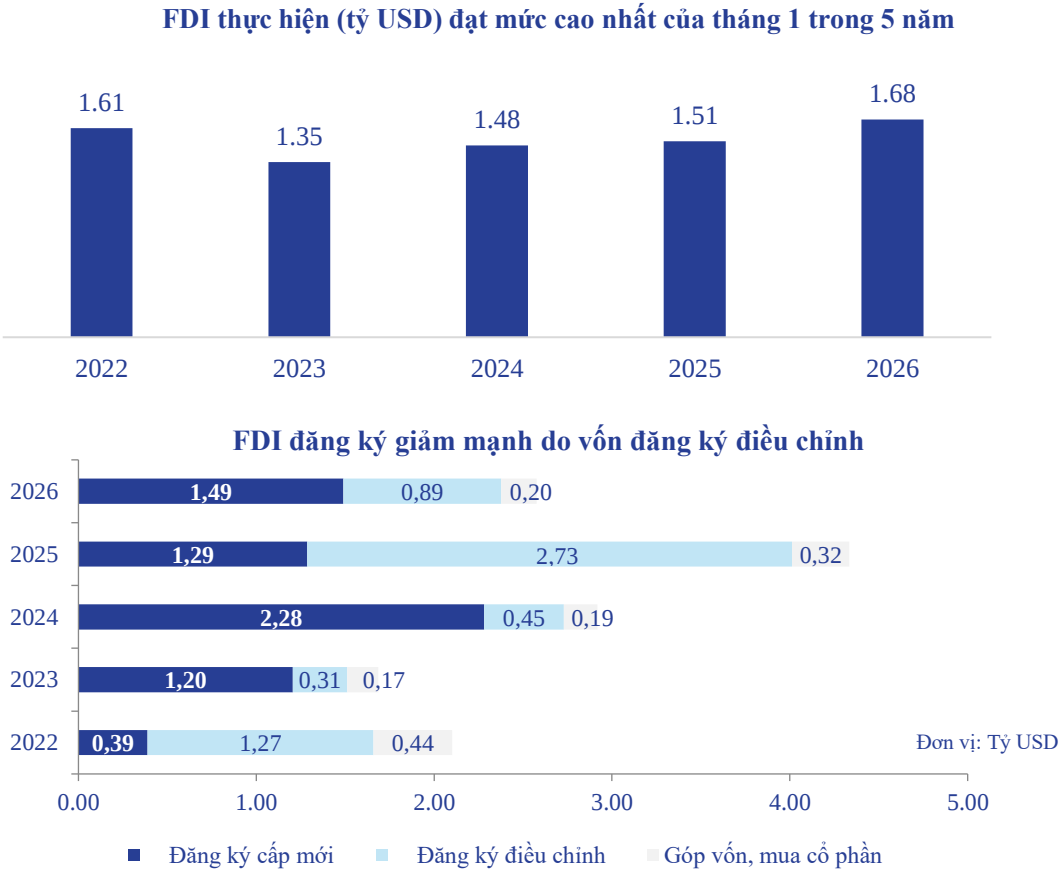
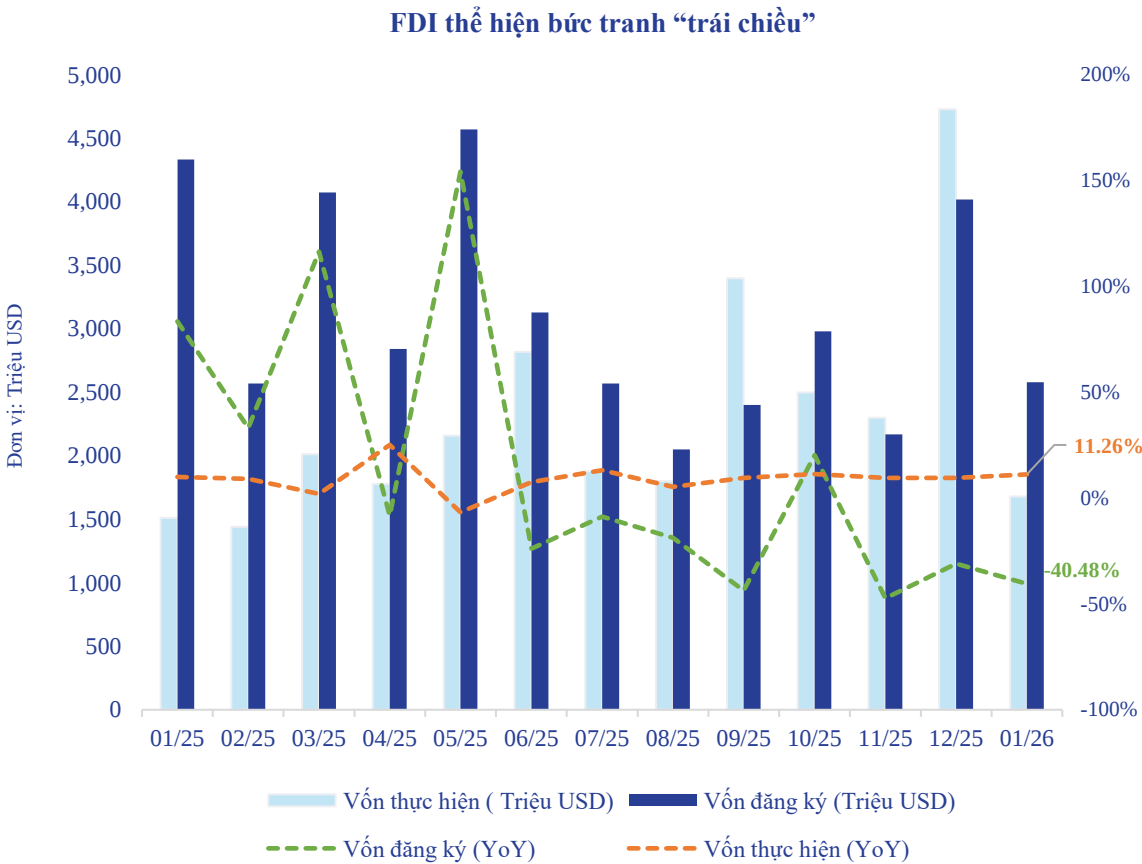
CPI tháng 01 thấp do yếu tố kỹ thuật



Nguồn: NSI tổng hợp, GSO

- Lạm phát thấp mang tính kỹ thuật: CPI tháng 1 ở mức 2,53% yoy, thấp hơn cùng kỳ chủ yếu nhờ bình ổn giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý (đặc biệt là không tăng giá thuốc và dịch vụ y tế) cùng sự hạ nhiệt của xăng dầu.
- Áp lực chi phí đẩy còn hiện hữu: Giá nhập khẩu nguyên liệu và cầu tiêu dùng mùa Tết nhiều khả năng khiến lạm phát tăng trở lại từ tháng 2 khiến CPI quay trở lại vùng trên 3%.
- NSI đánh giá lạm phát sẽ dai dẳng và có xu hướng tăng vào nửa cuối 2026 dưới áp lực thâm thấu của hiệu ứng tài sản.

Vốn đầu tư nước ngoài cho thấy bức tranh “trái chiều”



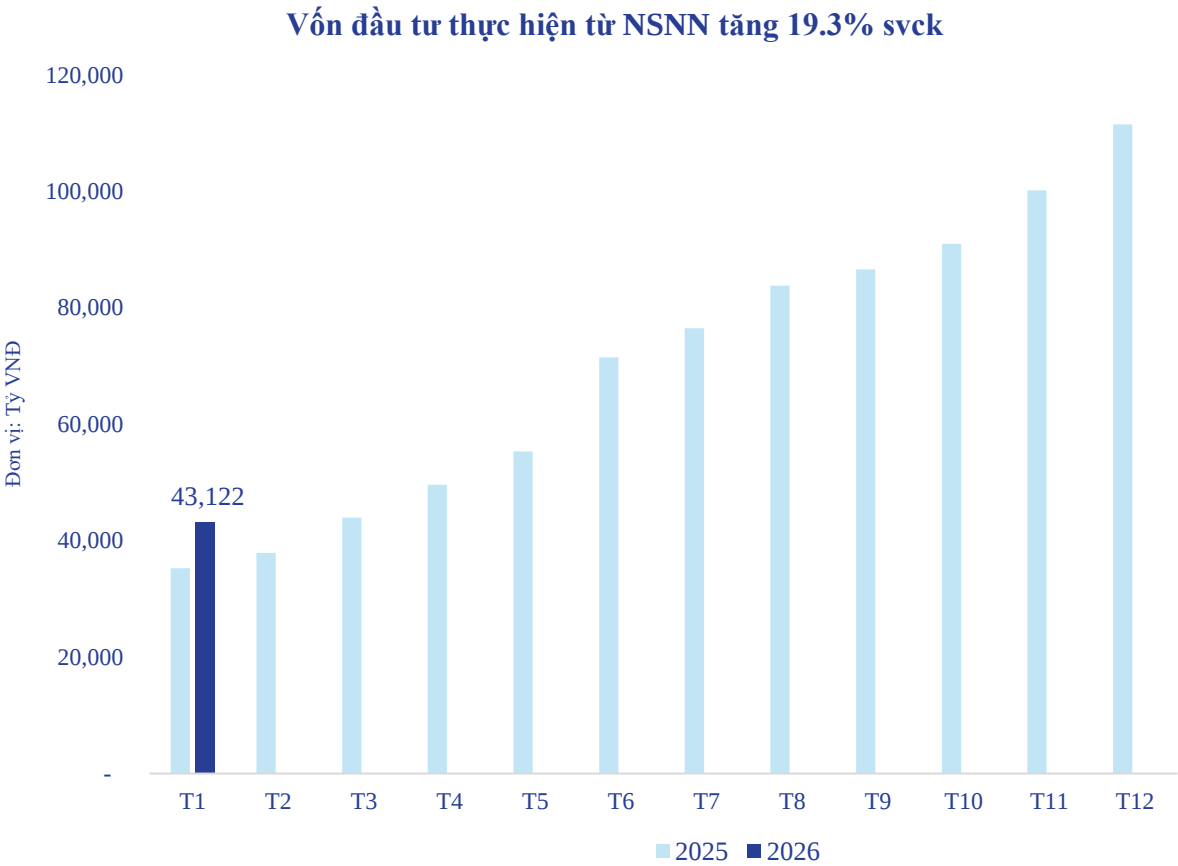
- FDI thực hiện duy trì tích cực: Giải ngân đạt 1,68 tỷ USD (+11,3% YoY), mức cao nhất của tháng 1 trong 5 năm, phản ánh niềm tin và tính liên tục của dòng vốn hiện hữu.
- FDI đăng ký giảm mạnh: Tổng vốn đăng ký đạt 2,58 tỷ USD (-40,6% YoY), chủ yếu do nền so sánh cao năm trước (thiếu vắng các dự án quy mô lớn) và vốn điều chỉnh sụt giảm sâu (-67,4%), dù số dự án mới vẫn tăng (+23,8%).

- Đáng chú ý, trong các tháng gần đây, FDI đăng ký liên tục ghi nhận mức tăng trưởng âm, việc vốn đăng ký thấp lâu dài sẽ tạo rủi ro về "khoảng trống" vốn thực hiện trong trung hạn khi các dự án cũ đã giải ngân xong mà các dự án mới chưa đủ quy mô để bù đắp. Đây sẽ là yếu tố thách thức đến đà tăng trưởng của các năm tiếp theo.

Nguồn: NSI tổng hợp, GSO

Đầu tư công và Ngân sách: Động lực tài khóa mạnh mẽ khởi đầu năm 2026

HẠNG MỤC NSNN	GIÁ TRỊ ƯỚC ĐẠT (NGHÌN TỶ)	TĂNG TRƯỞNG (YOY %)
TỔNG THU NSNN	370.7	+20.4%
Thu nội địa	341.7	+17.6%
Thu từ dầu thô	3.5	-15.6%
Thu cân đối từ hoạt động XNK	25.5	+94%
TỔNG CHI NSNN	163.0	+6.4%
Chi thường xuyên	110.0	+4.8%
Chi đầu tư phát triển	34.1	+7%
Chi trả nợ lãi	18.9	+15.6%

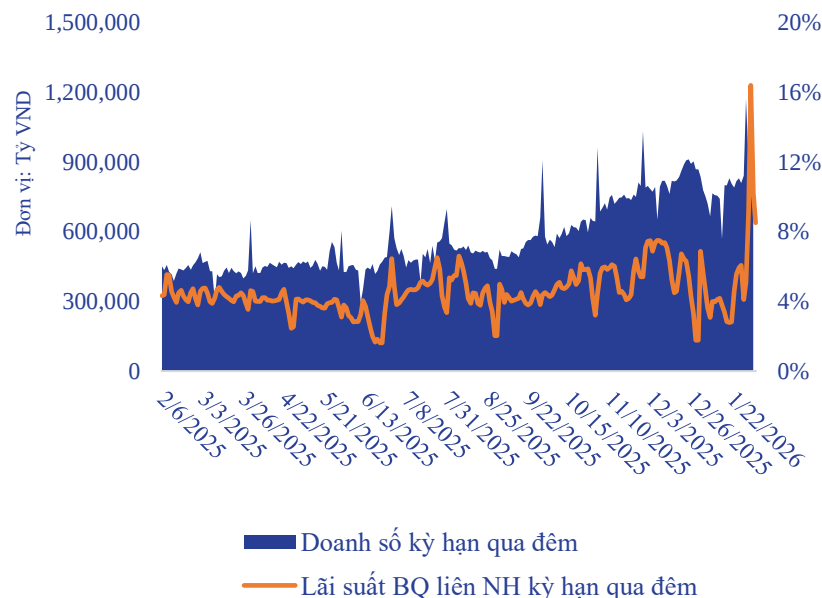


Nguồn: NSI tổng hợp, GSO, Bộ Tài chính

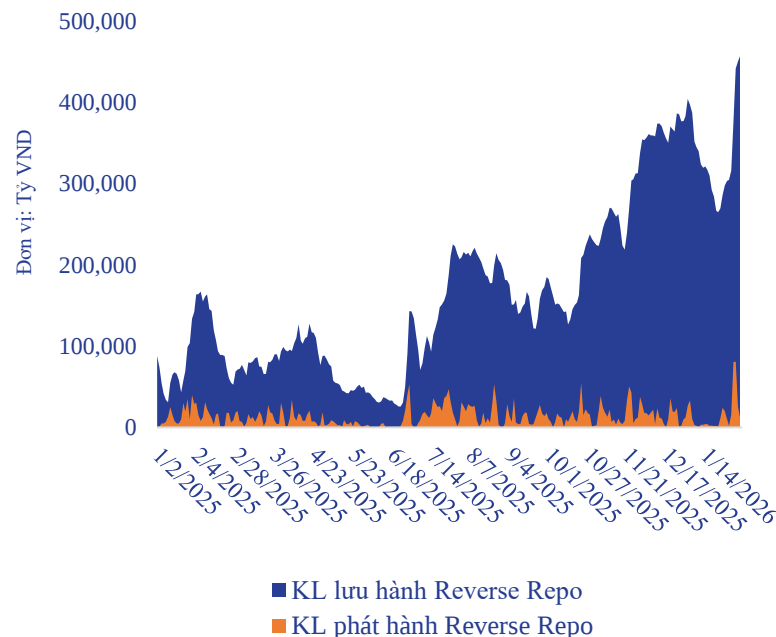
- Tháng 01/2026 ghi nhận sự bứt phá kỷ lục của nền tảng tài khóa quốc gia, tạo dư địa lớn cho các mục tiêu tăng trưởng đầy tham vọng. Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) ước đạt 370,7 nghìn tỷ đồng, tăng tới 20,4% so với cùng kỳ và đạt 14,7% dự toán năm, trong đó thu nội địa và thu từ xuất nhập khẩu đều tăng trưởng rất mạnh. Nguồn thu dồi dào này là "bệ đỡ" quan trọng để triển khai kế hoạch đầu tư công kỷ lục gần 1 triệu tỷ đồng của năm 2026
- Trong tháng Một, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách đạt 43,1 nghìn tỷ đồng, tăng 19,3% so với cùng kỳ, dù tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch năm mới đạt 4,8% do yếu tố mùa vụ Tết và các thủ tục phân bổ đầu năm. Chu kỳ giải ngân dự kiến sẽ tăng tốc mạnh từ tháng 3 đến tháng 10 sau khi các "nút thắt" về giải phóng mặt bằng và quy trình hành chính mới được tháo gỡ.

Lãi suất liên ngân hàng biến động lịch sử

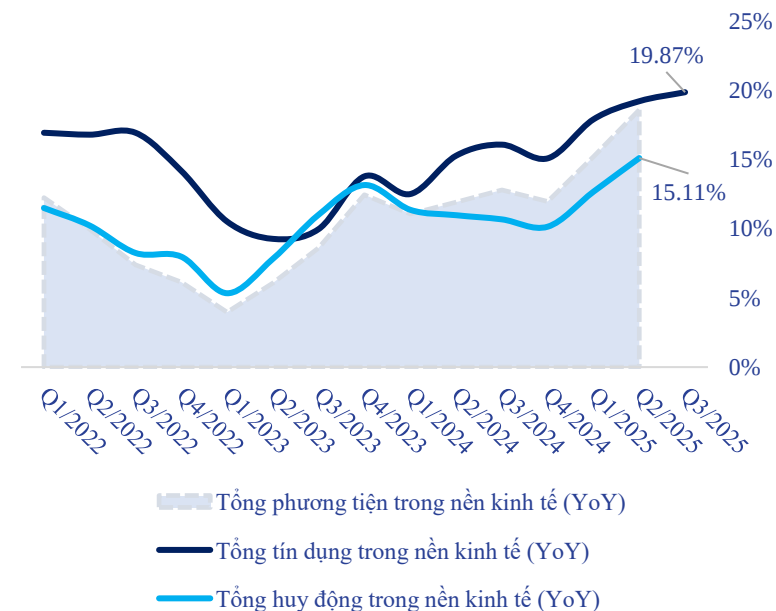
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm tăng lịch sử



Khối lượng lưu hành Reverse Repo



Chênh lệch giữa cung tiền và tiền gửi

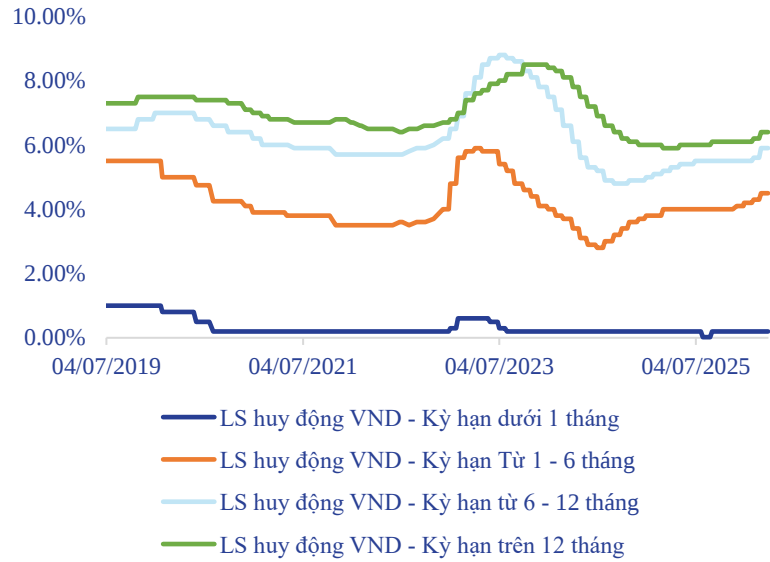


Nguồn: NSI tổng hợp, GSO, Widata

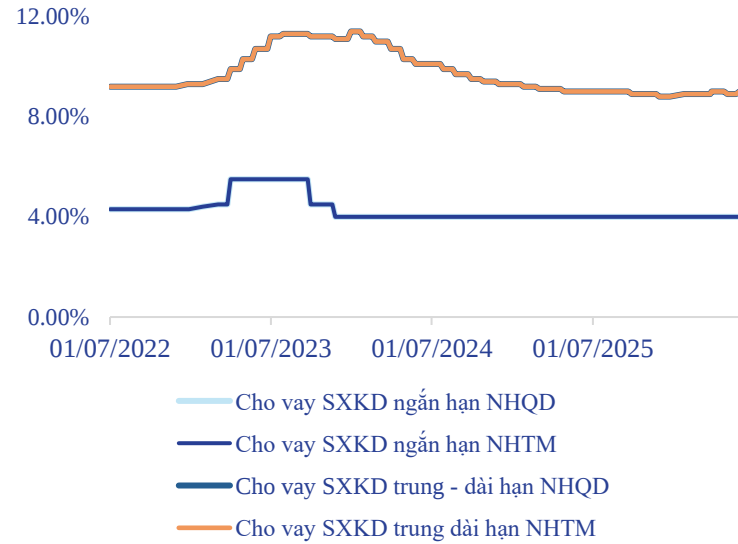
- Giai đoạn cuối tháng 01 – đầu tháng 02/2026 ghi nhận căng thẳng thanh khoản hiếm gặp trên thị trường liên ngân hàng, khi lãi suất VND qua đêm có thời điểm tăng vọt lên trên 20%, vượt xa hành lang điều hành và phản ánh mất cân đối cung – cầu VND ngắn hạn.
- Trước áp lực này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đẩy mạnh bơm thanh khoản qua OMO. Tuy nhiên, khi doanh số giao dịch liên ngân hàng lên tới gần 1 triệu tỷ đồng/phiên, quy mô OMO đạt ngưỡng tới hạn, buộc NHNN phải mở rộng sử dụng các công cụ khác như hoán đổi VND/USD (swap) để hạ nhiệt lãi suất.

- Căng thẳng thanh khoản đầu năm 2026 bên cạnh yếu tố mùa vụ cận Tết và thời điểm quyết toán nghĩa vụ thuế, sâu xa hơn còn phản ánh những yếu tố mang tính cấu trúc khi cung tiền mở rộng nhưng tiền gửi không tăng tương ứng, cho thấy lượng tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống và các tài sản thay thế (vàng, ngoại tệ) gia tăng. Các yếu tố kỳ vọng chính sách, bao gồm thảo luận về thuế tài sản và thuế thu nhập từ tiền gửi, tiếp tục làm suy yếu động lực đưa tiền quay lại hệ thống ngân hàng.
- NSI đánh giá các biện pháp hiện tại chủ yếu mang tính ngắn hạn; để lãi suất liên ngân hàng quay trở lại vùng ổn định 4–6%, quá trình điều chỉnh sẽ kéo dài ít nhất tới giữa năm 2026, và khó tránh khỏi việc điều chỉnh mặt bằng lãi suất chính sách theo hướng cao hơn nhằm tái lập cân bằng thanh khoản. Việc NHNN sử dụng swap thường xuyên cũng đồng nghĩa với áp lực tỷ giá gia tăng theo từng nhịp can thiệp, làm thu hẹp dần dư địa điều hành.

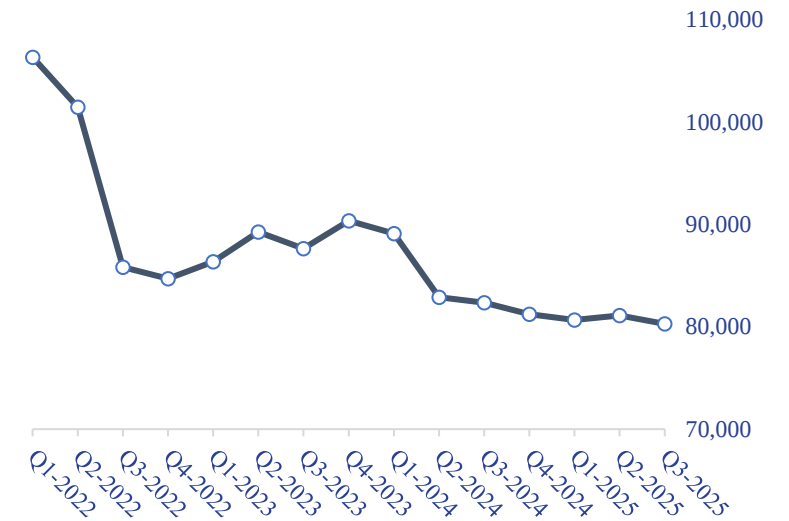
Lãi suất huy động các kỳ hạn



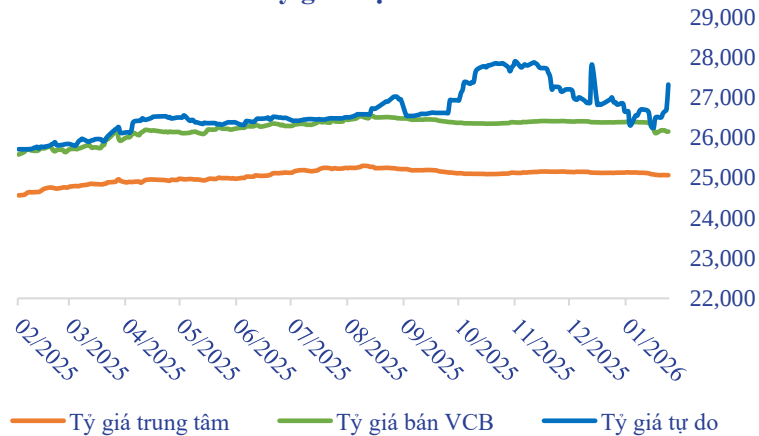
Lãi suất cho vay ngắn hạn và dài hạn



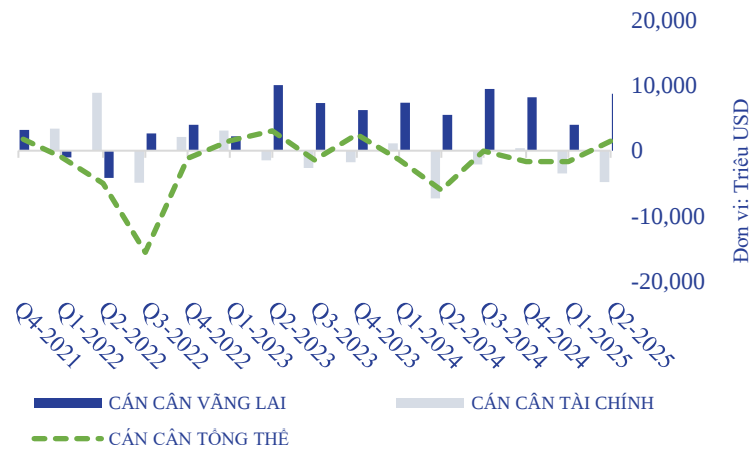
Dự trữ ngoại hối (Triệu USD)



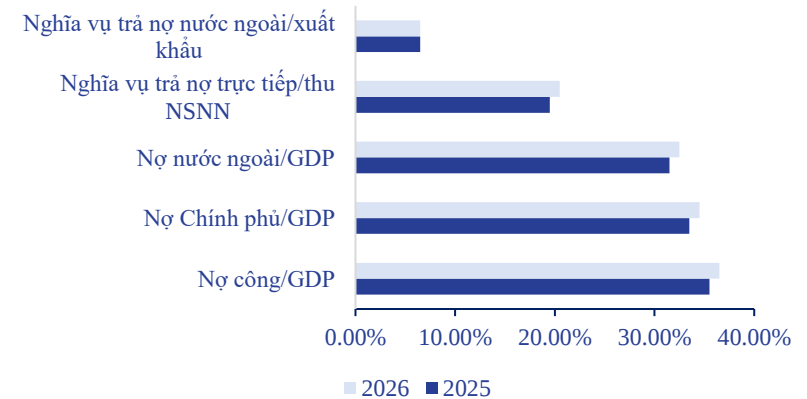
Tỷ giá Việt Nam



Cán cân



Tỷ lệ các chỉ tiêu nợ công của Việt Nam ước tính đến cuối năm 2025 và 2026



PHỤ LỤC

		11/2024	12/2024	01/2025	02/2025	03/2025	04/2025	05/2025	06/2025	07/2025	08/2025	09/2025	10/2025	11/2025	12/2025	01/2026
Bán lẻ hàng hóa & dịch vụ	Tổng mức (YoY)	1.90%	0.90%	9.50%	9.40%	10.80%	11.20%	10.20%	8.30%	9.20%	10.60%	11.27%	7.23%	7.15%	9.81%	9.32%
	Bán lẻ hàng hóa	1.00%	-0.40%	10.20%	10.00%	9.60%	8.80%	8.00%	6.70%	7.70%	10.20%	10.42%	5.73%	6.00%	8.58%	9.30%
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	8.80%	9.90%	12.30%	12.70%	14.10%	16.70%	18.10%	14.10%	16.30%	13.20%	14.98%	14.10%	13.57%	14.20%	9.36%
	Du lịch lữ hành	46.60%	46.90%	17.30%	17.30%	25.10%	46.10%	35.00%	23.90%	12.60%	15.20%	19.69%	18.81%	19.10%	19.92%	14.03%
	Dịch vụ khác	-1.20%	-1.60%	5.20%	11.70%	9.70%	12.60%	12.70%	11.50%	11.40%	9.80%	12.36%	9.40%	7.21%	12.71%	8.93%
Đo lường sản xuất	IIP (YoY)	8.00%	8.80%	-1.00%	17.60%	9.90%	8.90%	9.40%	10.80%	8.50%	8.90%	13.59%	10.80%	10.76%	10.10%	21.54%
	Khai khoáng	-10.20%	-3.70%	-12.30%	3.10%	-3.70%	-4.20%	1.20%	2.80%	2.60%	9.10%	22.42%	3.11%	6.98%	0.20%	10.34%
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	10.00%	10.20%	0.50%	19.70%	11.70%	10.80%	11.00%	12.10%	9.30%	9.50%	12.69%	11.35%	11.77%	10.88%	23.58%
	Phân phối điện	5.10%	5.60%	-4.00%	12.00%	7.00%	4.60%	3.30%	5.90%	7.00%	6.10%	15.37%	11.01%	5.82%	11.16%	14.10%
	Cung cấp nước	12.80%	16.40%	9.80%	13.60%	15.40%	17.00%	14.30%	11.60%	9.10%	2.40%	8.68%	12.16%	6.52%	6.28%	13.63%
	PMI	50.8	49.8	48.9	49.2	50.5	45.6	49.8	48.9	52.4	50.4	50.4	54.5	53.8	53.00	52.5
Xuất nhập khẩu & FDI	Nhập khẩu (YoY)	10.40%	19.10%	-2.50%	40.20%	19.40%	22.90%	14.10%	20.20%	17.30%	18.20%	25.30%	16.15%	16.04%	27.22%	49.22%
	Xuất khẩu (YoY)	8.40%	12.90%	-4.00%	26.00%	14.40%	19.80%	17.00%	16.60%	16.20%	13.80%	24.76%	17.30%	15.15%	24.04%	29.67%
	FDI thực hiện (YoY)	7.10%	9.40%	2.00%	9.10%	10.00%	7.80%	9.60%	8.80%	10.10%	12.50%	6.75%	11.36%	9.52%	9.51%	11.26%
	FDI đăng ký (YoY)	1.00%	-3.00%	88.30%	33.10%	116.50%	-8.30%	154.30%	-23.90%	-8.70%	-18.80%	-43.65%	20.36%	-47.32%	-30.93%	-40.48%
Cung tiền, tín dụng, lãi suất	Dư nợ tín dụng (YoY)	16.60%	15.10%	15.70%	16.80%	17.90%	18.80%	18.80%	19.20%	17.60%	19.90%	20.10%	20.49%	20.24%	19.01%	
	Tổng phương tiện thanh toán (M2)	12.70%	12.00%	13.60%	14.10%	15.20%	16.90%	17.60%	18.60%	18.79%	18.00%	17.89%				
	Tỷ giá TT tự do (YTD)	4.00%	3.90%	-0.50%	-0.50%	0.10%	1.50%	2.30%	2.60%	3.20%	3.00%	3.20%	8.00%	7.00%	4.00%	-1.19%
Tỷ giá, lạm phát	CPI	2.80%	2.90%	3.60%	2.90%	3.10%	3.10%	3.20%	3.50%	3.19%	3.24%	3.38%	3.25%	3.58%	3.48%	2.53%
	Lạm phát cơ bản	2.80%	2.90%	3.10%	2.90%	3.10%	3.10%	3.30%	3.50%	3.25%	3.18%	3.19%	3.20%	3.28%	3.27%	3.19%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA

Trụ sở chính:

Tầng 5, Tòa nhà Samsora Premier, Số 105 Chu Văn An, P.Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại: +8443.9445474
Fax: +84 43.9445475

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 1, 2 số 168 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: +84 8 3821 7262
Fax: +84 8 3821 7305

BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Thị Bích Diệp – Macroeconomic Analyst
Email: diepntb@nsi.vn

Các sản phẩm nghiên cứu được cung cấp trực tuyến tại:

Website: <http://nsi.com.vn/NSINews.aspx>

Khuyến cáo: Các báo cáo nghiên cứu chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư. Các báo cáo nghiên cứu không phải lời đề nghị, kêu gọi, mời chào mua hay bán bất kì mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo được chuẩn bị dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của NSI và có thể thay đổi mà không cần thông báo. NSI không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

NSI có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh, với tư cách là một khách hàng sử dụng sản phẩm nghiên cứu. Nhân viên của NSI có thể có các lợi ích tài chính đối với các chứng khoán và các công cụ tài chính có liên quan được đề cập trong báo cáo.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu cung cấp những thông tin khuyến cáo chung với tất cả các khách hàng mà không cân nhắc khẩu vị rủi ro, năng lực rủi ro, các tiêu chí đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư không nên chỉ dựa vào những khuyến nghị đầu tư (nếu có) trong bản báo cáo này để thay thế cho các quyết định đầu tư độc lập của bản thân. Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá chứng khoán luôn biến động, có thể lên hoặc xuống và những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai. Trước khi ra quyết định đầu tư, nhà đầu tư nên liên hệ với các cố vấn đầu tư để thảo luận và đưa giá đánh giá cho các trường hợp cụ thể của mình. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của NSI.

Việc báo cáo nghiên cứu này được phân phối bằng phương thức điện tử không thể đảm bảo tính an toàn, cũng như bị hỏng, bị mất, đến chậm, không đầy đủ hay có chứa các mã độc hại. Do đó nếu báo cáo được phân phối bởi bên thứ ba hoặc có chưa liên kết của bên thứ ba, NSI không xem xét lại và không chịu trách nhiệm cho bất cứ nội dung nào được cung cấp bởi bên thứ ba đó. Người đọc có thể sử dụng bất kì phương thức tiếp cận thông tin nào phù hợp và hoàn toàn chịu rủi ro phát sinh.